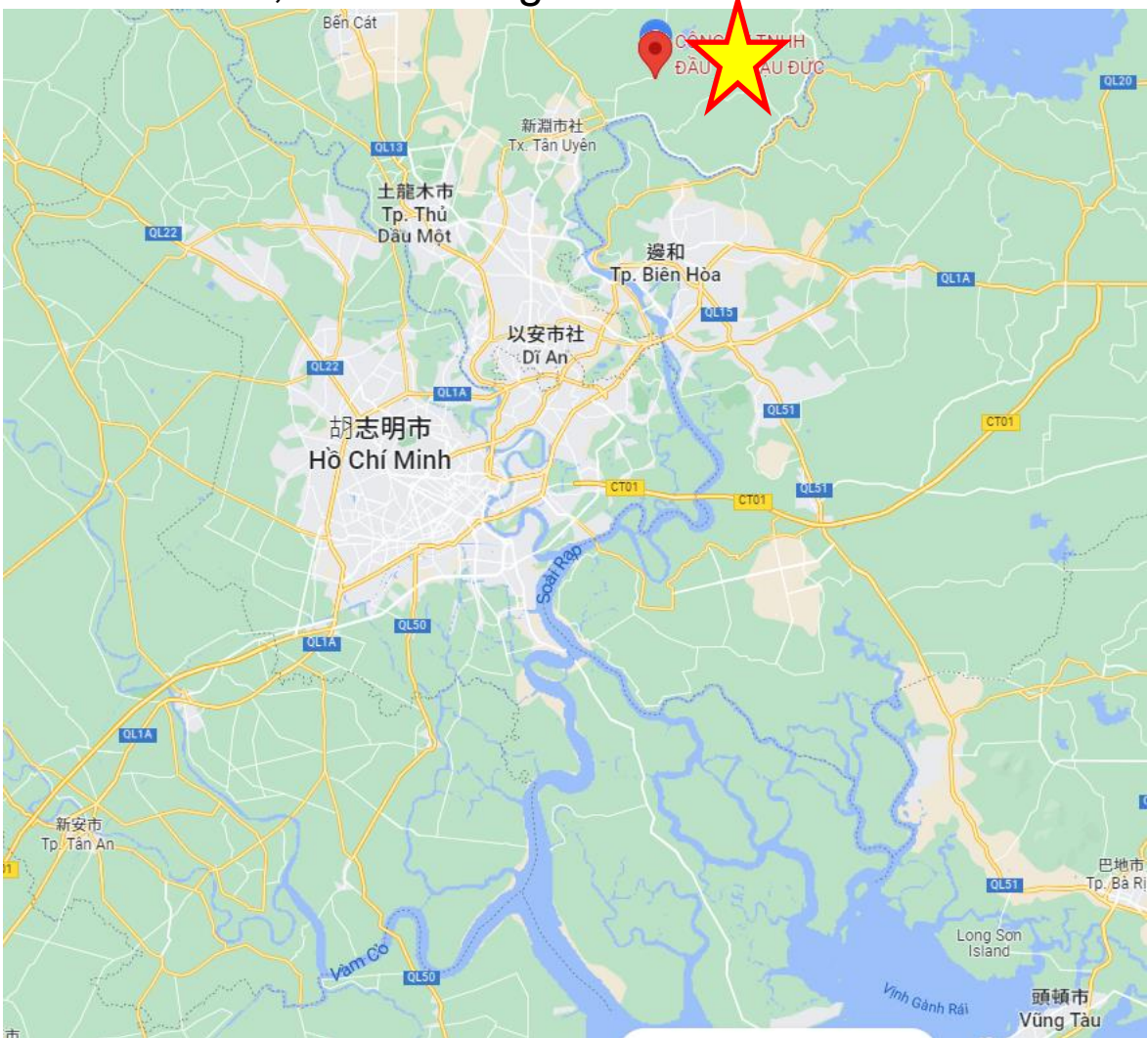


# NHÀ XƯỞNG BÁN 廠房 出售 FACTORY FOR SELL

Địa chỉ : THỪA ĐẤT SỐ 43, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 4, ẤP SUỐI SÂU, XÃ ĐẤT CUỐC, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG, VIỆT NAM.

地址： 越南平陽省北新淵縣帝國社深流村4号地图表43号土地

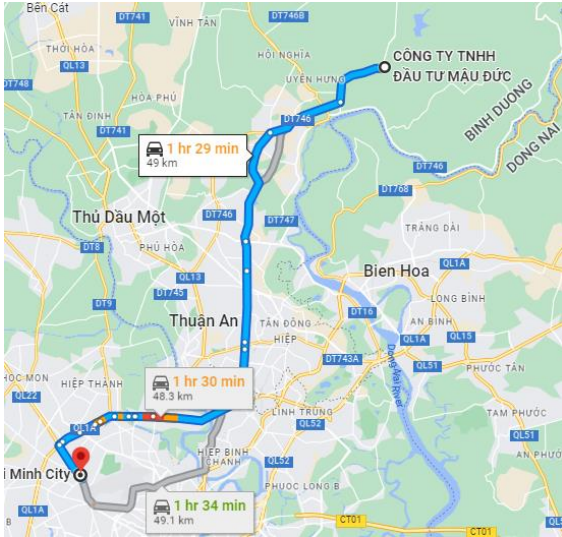
Address: Suoi Sau Hamlet, Dat Cuoc Ward, Bac Tan Uyen District, Binh Duong Province Vietnam.



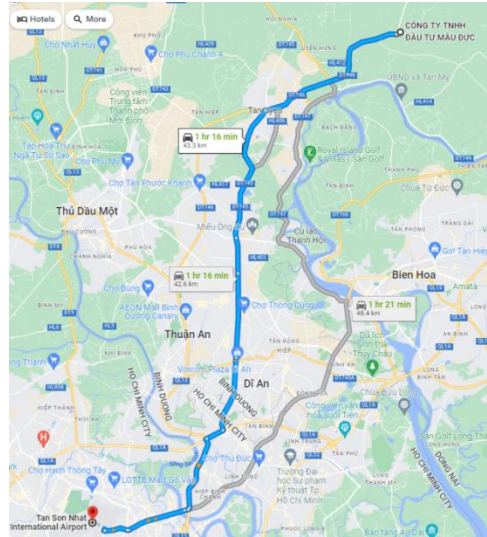
Chi Tiết Liên Hệ / 聯系方式 / Contact:

+84 (0)888279988 / email: [accounting@fullywind.com](mailto:accounting@fullywind.com)

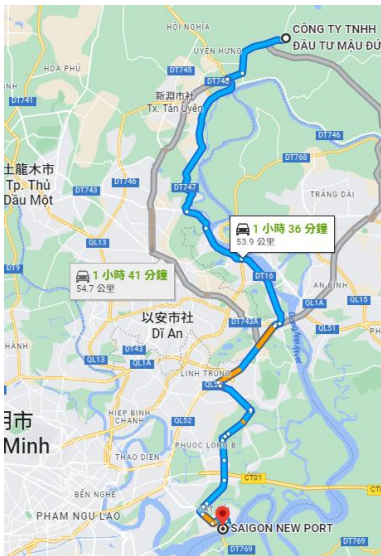
# ĐỊA ĐIỂM / 地區 / LOCATION



HỒ CHÍ MINH / 胡志明 / HO CHI MINH



SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT / 機場 / AIRPORT



SÀI GÒN / 西貢港 / SAIGON NEW PORT



CỔNG CÁT LAI / 吉萊港 / CAT LAI PORT



VŨNG TÀU / 頭頓港 VUNG TAU PORT

ĐỊA ĐIỂM / 地區 / LOCATION	KHOẢNG CÁCH 距離 DISTANCE	THỜI GIAN SỬ DỤNG 時長 TIMES
KHOẢNG CÁCH ĐẾN HỒ CHÍ MINH 到胡志明的距離 PROXIMITY TO HO CHI MINH	48.3	1 hr 29 min
KHOẢNG CÁCH ĐẾN SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT 到新山一機場的距離 PROXIMITY TO TAN SON NHAT AIRPORT	42.6	1 hr 16 min
KHOẢNG CÁCH ĐẾN SÀI GÒN 到西貢港距離 PROXIMITY TO SAIGON NEW PORT	53.9	1 hr 36 min
KHOẢNG CÁCH ĐẾN CỔNG CÁT LAI 到吉萊港距離 PROXIMITY TO CAT LAI PORT	54	1 hr 34 min
KHOẢNG CÁCH ĐẾN VŨNG TÀU 到頭頓港距離 PROXIMITY TO VUNG TAU PORT	89.3	2 hr 26 min

# NHÀ XƯỞNG TỔNG QUÁT / 工廠概況 / FACTORY OVERVIEW

DIỆN TÍCH ĐẤT 土地總面積 TOAL LAND AREA	20,200.00 m <sup>2</sup>
NHÀ XƯỞNG #1 廠房#1棟 FACTORY#1	3654.70 m <sup>2</sup>
NHÀ XƯỞNG #2 廠房#2棟 FACTORY#2	7689.50 m <sup>2</sup>
KHU VỰC TẢI 裝櫃台 LOADING AREA	1020.00 m <sup>2</sup>
MÚT XỐP KHO 海綿倉庫 FOAM WAREHOUSE	540.00 m <sup>2</sup>
KHO VAN 備料倉 WHITE BODY AREA	1314.00 m <sup>2</sup>
KHO VẬN, GỖ 木工房及废料区 WOOD CUTING AREA	1577.00 m <sup>2</sup>
CĂN TIN NHÂN VIÊN 員工餐廳 STAFF DINING ROOM	300.00 m <sup>2</sup>
VĂN PHÒNG 辦公室 OFFICE	104.34 m <sup>2</sup>
PHÒNG MẪU 樣品室 SHOW ROOM	296.1 m <sup>2</sup>
PHÁT TRIỂN HỘI THẢO 開發室 DEVELOPMENT DEPART	225.6 m <sup>2</sup>
PHÒNG BẢO VỆ 保衛室 SECURITY ROOM	19.35 m <sup>2</sup>
PHÒNG NGỦ CHO KHÁCH 客房 GUST ROOM	45.00 m <sup>2</sup>
BÃI ĐỖ XE 停車區 PARKING AREA	432.00 m <sup>2</sup>

TRẠM NĂNG LƯỢNG 電站 POWER STATION	1000V
CHIỀU CAO HIỆN CÓ CỦA HỘI THẢO 廠房可利用淨高度 AVAILABLE HEIGHT OF WORKSHOP	7.5 m
ĐIỂM CAO NHẤT CỦA TRẦN NHÀ 廠房最高點 CEILING HEIGHT	13 m
NGÀNH NGHỀ ĐƯỢC PHÉP HOẠT ĐỘNG 適合運營產業 INDUSTRY PERMITTED ACTIVITIES	CÔNG CHỨNG 低污染工業 GENERAL

**ẢNH NHÀ MÁY / 工廠照片 / FACTORY PHOTOS**



**PU SÀN NHÀ / PU 地板 / PU FLOOR**



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan  
có thẩm quyền

Chuyển nguồn gốc sử dụng đất từ Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm sang Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần, diện tích 21.292m<sup>2</sup> từ ngày 25/3/2022 theo Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Bình Dương, thời hạn sử dụng đất đến ngày 24/10/2046;

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 4, ấp Suối Sâu, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; theo hồ sơ số 220218-0022.

PHÓ GIÁM ĐỐC

17.6.2022



Nguyễn Thị Tuyết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ MẬU ĐỨC**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

Mã số doanh nghiệp: 3702697186

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 8 năm 2018

Do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp

Địa chỉ trụ sở chính: ấp Suối Sâu, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



7 4 2 5 9 0 7 1 9 0 0 1 6 5 2

CT 656860

**II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**

**1. Thửa đất:**

- a) Thửa đất số: 43, tờ bản đồ số: 4
- b) Địa chỉ: xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
- c) Diện tích: 22.074m<sup>2</sup>, (bằng chữ: Hai mươi hai nghìn không trăm bảy mươi bốn mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 21.292m<sup>2</sup>, Đất thuộc HLATĐB: 782m<sup>2</sup>
- e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 24/10/2046
- g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm: 21.292m<sup>2</sup>

**2. Nhà ở: -/-**

**3. Công trình xây dựng khác:**

Tên công trình: Nhà xưởng của Công ty

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> ) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng 1	3.654,7	3.654,7	Sở hữu riêng	III	-/-

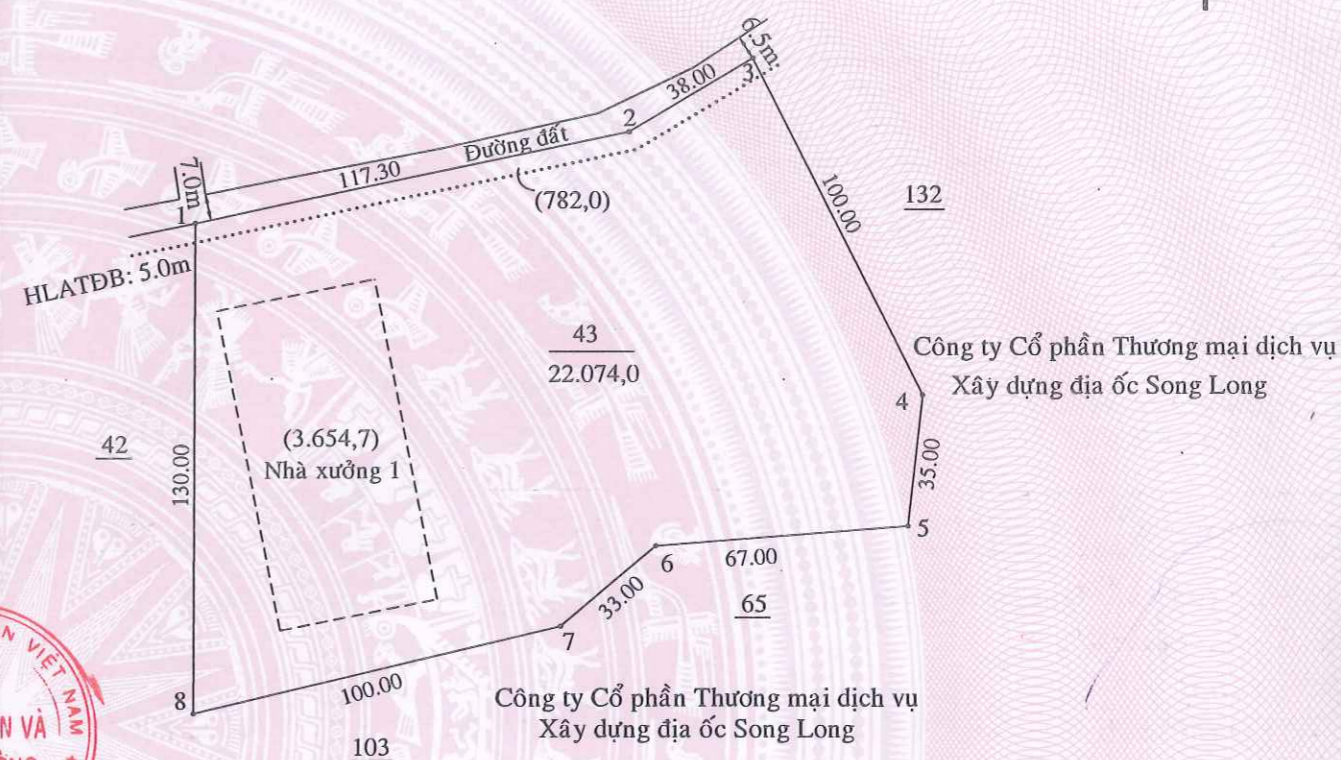
**4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-**

**5. Cây lâu năm: -/-**

**6. Ghi chú:**

- Tổng diện tích: 22.074m<sup>2</sup>, trong đó có 782m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang an toàn đường bộ. Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng phải tuân thủ theo quy định về hành lang an toàn đường bộ, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.
- Thực hiện dự án sản xuất gỗ dán, gỗ lạng; sản xuất các sản phẩm từ gỗ (không ngâm, tẩm, sấy); sản xuất các sản phẩm từ vải (không nhuộm) và cho thuê nhà xưởng.
- Nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê của Công ty TNHH Trần Doanh.

**III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất**



Bình Dương, ngày 06. tháng 01. năm 2020  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**  
**TUQU.CHỦ TỊCH**  
**KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**



**Phạm Xuân Ngọc**

Số vào sổ cấp GCN: CT49762

**IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận**

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý					Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu công trình xây dựng – theo hồ sơ số 0008					<b>PHÓ GIÁM ĐỐC</b> 13.01.2022 <b>Nguyễn Thị Tuyết</b>
Hạng mục CT	DT xây dựng (m <sup>2</sup> )	DT sàn hoặc công suất (m <sup>2</sup> )	Hình thức sở hữu	Cấp CT	
Nhà xưởng 2	7.689,5	7.689,5	Sở hữu riêng	Cấp 3	

(Vị trí công trình Nhà xưởng 2 được thể hiện tại Trích lục bản đồ địa chính (có đo đạc tài sản gắn liền với đất) do Văn phòng Đăng ký đất đai xác lập ngày 08/11/2021)





Số: 544/QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 01 tháng 6 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng, diện tích 11.309,8 m<sup>2</sup> với công suất 143.000 sản phẩm/năm tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 4, ấp Suối Sâu, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Đầu tư Mậu Đức

### GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng, diện tích 11.309,8 m<sup>2</sup> với công suất 143.000 sản phẩm/năm tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 4, ấp Suối Sâu, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Đầu tư Mậu Đức tại Tờ trình số 2153/TTr-CCBVMT ngày 28 tháng 5 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng, diện tích 11.309,8 m<sup>2</sup> với công suất 143.000 sản phẩm/năm tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 4, ấp Suối Sâu, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Đầu tư Mậu Đức;

Xét đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường nhà máy sản xuất, gia công đồ gỗ gia dụng, diện tích 11.309,8 m<sup>2</sup> với công suất 143.000 sản phẩm/năm tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 4, ấp Suối Sâu, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Đầu tư Mậu Đức (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 4.** Ủy nhiệm Chi cục Bảo vệ môi trường thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *./././.*

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án;
- Bộ TNMT (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND huyện Bắc Tân Uyên;
- Sở Công thương, Sở KH&CN;
- UBND xã Đất Cuốc;
- Lưu: VT, CCBVMT, ThHa8.



**GIÁM ĐỐC**

**Ngô Quang Sự**

## Phụ lục

# CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “CẢI TẠO, NÂNG CẤP, BỔ SUNG CÁC CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIA CÔNG ĐỒ GỖ GIA DỤNG, DIỆN TÍCH 11.309,8 M<sup>2</sup> VỚI CÔNG SUẤT 143.000 SẢN PHẨM/NĂM” TẠI THỬA ĐẤT SỐ 43, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 04, ÁP SUỐI SÂU, XÃ ĐẤT CUỐC, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG CỦA CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ MẬU ĐỨC

(Kèm theo Quyết định số 544 /QĐ-STNMT ngày 01 tháng 6 năm 2021  
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

### 1. Thông tin về dự án

**1.1. Tên dự án:** Cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình bảo vệ môi trường nhà máy sản xuất gia công đồ gỗ gia dụng, diện tích 11.309,8 m<sup>2</sup> với công suất 143.000 sản phẩm/năm.

**1.2. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Đầu tư Mậu Đức

**1.3. Địa điểm thực hiện dự án:** Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 04, ấp Suối Sâu, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**1.4. Phạm vi, quy mô, công suất:** sản xuất đồ gỗ gia dụng với công suất 143.000 sản phẩm/năm, trong đó: ghế sofa với công suất 83.000 sản phẩm/năm và giường với công suất 60.000 sản phẩm/năm.

#### 1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

Nguyên liệu (Gỗ, ván ép, gỗ thô, chân giường, chân ghế đã được gia công sẵn) → Cắt, khoan, đục lỗ → Ráp định hình (bắn ngũ kim, ốc thành khung giường, khung ghế) → Phun keo → Dán mút, xốp → May vải → Bọc nệm → Vệ sinh → Đóng gói, kiểm tra → Thành Phẩm.

**1.6. Các hạng mục công trình chính:** diện tích khu đất là 22.074m<sup>2</sup>

- Các hạng mục công trình chính

+ Nhà xưởng 1 (kho nguyên liệu, kho ngũ kim, văn phòng, khu vực cắt, may, kho vải, mút, xốp, lối đi nội bộ): 3.654,72 m<sup>2</sup>.

+ Nhà xưởng 2 (khu cắt gỗ, kho thành phẩm, khu dán mút, các chuyên công tác, lối đi nội bộ): 7.655,08 m<sup>2</sup>.

- Các hạng mục công trình phụ trợ

+ Nhà bảo vệ: 12 m<sup>2</sup>

+ Nhà vệ sinh: 60 m<sup>2</sup>.

+ Nhà ăn: 150 m<sup>2</sup>.

+ Nhà xe 1: 399 m<sup>2</sup>.

+ Nhà xe 2: 250 m<sup>2</sup>

+ Diện tích đất trồng cây xanh: 4 414 4 m<sup>2</sup>.



- + Diện tích đường giao thông, sân bãi: 4.997,18 m<sup>2</sup>.
- + Bể nước ngầm PCCC: 300 m<sup>2</sup>.
- Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường
  - + Khu vực hệ thống xử lý nước thải: 50 m<sup>2</sup>.
  - + Khu vực hệ thống xử lý bụi gỗ: 60 m<sup>2</sup>.
  - + Khu vực tháp hấp phụ hơi keo: 20m<sup>2</sup>.
  - + Nhà chứa chất thải nguy hại: 12 m<sup>2</sup>.
  - + Nhà chứa chất thải công nghiệp thông thường: 25 m<sup>2</sup>
  - + Nhà chứa chất thải sinh hoạt: 25 m<sup>2</sup>.

## **2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án**

### 2.1. Các tác động môi trường chính:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân viên.
- Bụi gỗ từ công đoạn tạo cưa, cắt, khoan; hơi dung môi từ công đoạn phun keo, dán keo.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

### 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải sinh hoạt của 150 công nhân viên với lưu lượng 12 m<sup>3</sup>/ngày, thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, vi sinh vật.

### 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi gỗ từ các công đoạn công đoạn cưa, cắt, khoan với tải lượng khoảng 1,55kg/ngày (466 kg/năm); nồng độ 95,42 mg/m<sup>3</sup>.
- Hơi keo từ công đoạn phun keo với tải lượng khoảng 5,25 kg/giờ (tương đương 5.250.000 mg/giờ); nồng độ 1.009,6 mg/m<sup>3</sup>, thành phần chủ yếu là Methylenechloride, Etylaxetat, Cyclohexan, Acetone.

### 2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn thông thường phải xử lý như: thực phẩm dư thừa, rau quả, thức ăn dư thừa, bao bì nilon, vỏ hộp... với khối lượng khoảng 120 kg/ngày.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái chế: gỗ vụn, ván vụn, bụi gỗ, mùn cưa, giấy vụn phòng, bao bì chứa nguyên liệu không dính thành phần nguy hại, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải,... với khối lượng khoảng 209,6 tấn/năm (17,46 tấn/tháng).

### 2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại gồm giẻ lau, bao tay dính thành phần nguy hại; hộp mực in; pin, ắc quy chì thải; bóng đèn thải; dầu nhớt thải; thùng đựng keo thải; keo thải, than hoạt tính... với khối lượng khoảng 1.227 kg/năm.

### 3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

#### 3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt (*nước thải sau bể tự hoại, nước rửa tay chân, lavabo*) → Thu gom bằng đường ống PVC đường kính D140mm → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất thiết kế 25 m<sup>3</sup>/ngày, quy trình xử lý: Nước thải → Hồ thu nước thải → Bể điều hòa kết hợp với thiếu khí → Bể xử lý sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đường ống HDPE đường kính D50 → Mương thoát nước (*mương thoát nước bằng bê tông 800 mm x 1.000 mm với chiều dài 500 m*) của Công ty cổ phần Địa ốc Song Long (*theo văn bản thỏa thuận số 1873/SL21 ngày 20 tháng 3 năm 2021*) → Nguồn tiếp nhận (*Suối Tân Lợi => suối Vũng Cắm => Sông Đồng Nai*). Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 1,2.

#### 3.2. Về thu gom và xử lý bụi và khí thải:

- Bụi gỗ (từ công đoạn cưa, cắt) => Chụp hút => Hệ thống ống dẫn => Cyclon khô => Ống thải (*cao 6m, đường kính 780mm*). Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT cột B.

- Bụi gỗ từ máy khoan => Thiết bị lọc túi di động (*4 cái túi vải với cơ chế rung giữ tự động, cấu tạo của túi vải là các sợi polyester, kích thước D500-1000mm*). Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

- Hơi dung môi từ khu vực phun, dán keo => Chụp hút => Ống ruột gà => Ống dẫn => Quạt hút => Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính => Ống thải (*chiều cao 14m, đường kính 800 mm*). Quy chuẩn áp dụng: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B; QCVN 20:2009/BTNMT, cột B.

#### 3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn thông thường phải xử lý → Phân loại → Thùng chứa → Kho chứa diện tích 25m<sup>2</sup> → Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom để tái chế, tái sử dụng đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế → Phân loại → Kho chứa diện tích 25 m<sup>2</sup> → Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển đúng quy định.

- Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường

#### 3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Lưu trữ trong nhà kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 12 m<sup>2</sup> (bố trí nhà chứa riêng, độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật

- Hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải sinh hoạt 25 m<sup>3</sup>/ngày.
- Hệ thống thu gom và xử lý bụi gỗ.
- Hệ thống xử lý hơi keo.
- Nhà kho lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt 25 m<sup>2</sup>.
- Nhà kho lưu trữ chất thải rắn công nghiệp thông thường 25m<sup>2</sup>.
- Nhà kho lưu trữ chất thải nguy hại 12 m<sup>2</sup>.

## 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

### 5.1. Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.
- Thông số giám sát: pH, SS, BOD<sub>5</sub>, COD, T-N, T-P, Amoni, tổng Coliform
- Tần số thu mẫu và phân tích: 03 tháng/lần
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A; K<sub>q</sub> = 0,9; K<sub>f</sub> = 1,20

### 5.2 Giám sát khí thải:

#### 5.2.1 Giám sát bụi gỗ sau hệ thống xử lý:

- Vị trí giám sát: Tại ống thải sau hệ thống xử lý bụi gỗ.
- Thông số giám sát: lưu lượng, bụi tổng, bụi PM10, bụi PM 2.5.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

#### 5.2.2 Giám sát hơi dung môi sau hệ thống xử lý:

- Vị trí giám sát: Tại ống thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi.
- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, Aceton, Methylene chloricde, Cyclohexan.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, QCVN 20:2009/BTNMT.

### 5.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: tại các nhà chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: khối lượng, thành phần chất thải.

## 6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Tuân thủ nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.



- Lập Kế hoạch vận hành thử nghiệm và hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 16b và Điều 17 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Thống kê, lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định sau khi dự án đi vào hoạt động.



Bình Dương, ngày 21 tháng 8 năm 2017

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: 2176 /GPXD

1. Cấp cho: CÔNG TY TNHH TRẦN DOANH.

- Địa chỉ trụ sở chính: Xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà xưởng được phê duyệt tại Quyết định số 03/TD ngày 26/7/2017 của Công ty TNHH Trần Doanh.

- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu: TT(01-06); KT(01-05); KC(01-05); PC(01-10); CS01.

- Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thịnh Việt Phát lập.

- Đơn vị thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Trung Dũng Sài Gòn.

- Gồm các nội dung sau:

+ Địa điểm xây dựng công trình: Thửa đất số 43; tờ bản đồ số 04; xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 56,99%, hệ số sử dụng đất: 0,56.

+ Chỉ giới đường đỏ: 5m tính từ mép đường nhựa (chiều rộng đường chỗ rộng nhất 7m, chỗ hẹp nhất 6,5m).

+ Vị trí xây dựng công trình: Định vị hạng mục công trình theo mặt bằng tổng thể.

- Tổng số công trình: 06 công trình.

2.1. Nhà xưởng 1:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Diện tích:  $(42,3 \times 86,4) = 3.654,72m^2$

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,2m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 13m.





- Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch, phía trên ốp tôn. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cột, khung kèo thép.

### 2.2. Nhà xưởng 2:

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Diện tích:  $(94,6 \times 86,4) = 8.173,44 \text{m}^2$

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,2m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 13m.

- Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Tường xây gạch, phía trên ốp tôn. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Cột, khung kèo thép.

### 2.3. Nhà xe 1:

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV; Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích:  $(5,7 \times 70) = 399 \text{m}^2$ .

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,1m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 4,6m.

- Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Khung, cột thép.

### 2.4. Nhà xe 2:

- Loại công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Cấp công trình: Cấp IV; Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích:  $(5,7 \times 62) = 353,4 \text{m}^2$ .

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,1m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sân): 4,6m.

- Cấu trúc: Móng, đà kiềng bằng bê tông cốt thép. Nền bê tông. Mái lợp tôn, xà gồ thép. Khung, cột thép.

### 2.5. Nhà vệ sinh:

- Loại công trình: Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV; Số tầng: 01 tầng.

- Diện tích:  $(6 \times 10) = 60 \text{m}^2$ .

- Cốt nền công trình (tính từ cốt sân): +0,2m.

- Chiều cao công trình (tính từ cốt sàn): 5,2m.
- Cấu trúc: Móng, khung cột bằng bê tông cốt thép. Nền lát gạch. Mái lợp ngói, hệ đỡ mái bằng thép.

2.6. Các nội dung khác: Công trình có tháp nước inox khung thép, sơ đồ đấu nối điện, nước, hệ thống PCCC và thu lôi chống sét.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 565480 vào sổ cấp GCN: T00563/CN-2008 ngày 29/7/2008, do UBND tỉnh Bình Dương cấp. Diện tích: 22.074m<sup>2</sup>; mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: VT, T. *Handwritten signature*

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC** *Handwritten signature*



**Võ Hoàng Ngân**



**Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:**

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép

---

**ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN GIẤY PHÉP**

1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn: .....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép: .....

Bình Dương, ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIÁM ĐỐC**

Số: 490 /PC07-CTPC

Bình Dương, ngày 17 tháng 8 năm 2020

V/v nghiệm thu về  
phòng cháy và chữa cháy

Kính gửi: Công ty TNHH đầu tư Mậu Đức

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 319/TD-PCCC ngày 23 tháng 5 năm 2020 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH tỉnh Bình Dương;

- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện về phòng cháy và chữa cháy số 14845/KĐ-PCCC-TT2 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp ngày 03/10/2019; Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện về phòng cháy và chữa cháy số 8655/KĐ-PCCC-P7 do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp ngày 01/07/2019.

- Xét hồ sơ và đề nghị kiểm tra số 02/CV-PCCC về việc đề nghị nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 01/8/2020 của Công ty TNHH đầu tư Mậu Đức;

- Căn cứ hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH đầu tư Mậu Đức;

- Căn cứ các biên bản kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Bình Dương và các biên bản liên quan lập ngày 15/8/2020;

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Bình Dương chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH đầu tư Mậu Đức với các nội dung sau:

### **I. Thông tin chung về công trình**

1. Tên công trình: Nhà xưởng 1 (86,4m x 42,3m), nhà xưởng 2 (90,7m x 84,4m), công trình phụ trợ.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH đầu tư Mậu Đức.

3. Địa điểm xây dựng: Thửa đất 43, TĐĐ 04, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Quy mô công trình: Nhà xưởng 1 (86,4m x 42,3m) 01 tầng, nhà xưởng 2 (90,7m x 84,4m) 01 tầng, công trình phụ trợ.

5. Đơn vị thi công, giám sát:

- Đơn vị thi công PCCC: Công ty TNHH MTV Hải Long Thủy.

- Đơn vị xây dựng: Công ty cổ phần đầu tư tập đoàn Đại Phát.

## II. Các nội dung nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư:

1. Giao thông phục vụ chữa cháy; Điều kiện thoát nạn; Ngăn cháy;
2. Trang bị phương tiện PCCC ban đầu; Khoảng cách an toàn PCCC;
3. Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler;
4. Hệ thống cấp nước chữa cháy (trong nhà, ngoài nhà);
5. Giải pháp tăng bậc chịu lửa của cột thép (Sơn chống cháy cột thép GHCL 120 phút).

## III. Một số yêu cầu kèm theo

Để bảo đảm an toàn phòng cháy chữa cháy cho công trình, hạng mục công trình trong suốt quá trình sử dụng theo tuổi thọ, đề nghị Công ty TNHH đầu tư Mậu Đức, đơn vị quản lý sử dụng và các đơn vị có liên quan thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn PCCC đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về PCCC theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ, sau đó gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC và CNCH để thẩm duyệt theo quy định.

Văn bản này là một trong những căn cứ để chủ đầu tư nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng. /

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Công an Huyện Bắc Tân Uyên;
- Lưu: CTPC.



Số: 31 /GP-STNMT

Bình Dương, ngày 04 tháng 03 năm 2021

## GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

### GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Công ty TNHH Đầu tư Mậu Đức và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên nước, Khoáng sản và Khí tượng thủy văn tại tờ trình số 47/TTr-TNNKSKTTV ngày 04 tháng 3 năm 2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Đầu tư Mậu Đức; ngành nghề: sản xuất đồ gỗ gia dụng, ghế sofa; địa chỉ: ấp Suối Sâu, xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: mương thoát nước khu vực – suối Tân Lợi – sông Đồng Nai;

2. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải vào suối Tân Lợi: X=12.26.419; Y=07.00.767

- Địa chỉ: xã Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;

3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;

4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày;

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 25m<sup>3</sup>/ngày đêm;

6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, k<sub>q</sub>= 0,9; K<sub>f</sub>=1,2 đối với các thông số pH, BOD, COD, SS, tổng N, tổng P, amoni, Coliform;

7. Thời hạn của giấy phép: 05 năm, kể từ ngày ký.


**Điều 2.** Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Đầu tư Mậu Đức:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:
  - Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;
  - Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này;
  - Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;
  - Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.
3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.
4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.
6. Thực hiện báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo Biểu mẫu số 24, 25 tại phụ lục đính kèm Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo;
7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

**Điều 3.** Công ty TNHH Đầu tư Mậu Đức được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Đầu tư Mậu Đức còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định. /.

**Nơi nhận:**

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- UBND tỉnh Bình Dương;
- UBND huyện Bắc Tân Uyên;
- Công ty TNHH Đầu tư Mậu Đức;
- Chi cục BVMT;
- Lưu: VT. 

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
**SỞ**  
**TÀI NGUYÊN VÀ**  
**MÔI TRƯỜNG**  
**TỈNH BÌNH DƯƠNG**

  
**Nguyễn Ngọc Thúy**